

Bản án số: 293/2021/HS-ST
Ngày 27-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Ngoan, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 306/2021/HSST ngày 16 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2021/QĐXXST-HS ngày 12/10/2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T (tên gọi khác Q), sinh năm 1995 tại tỉnh Bến Tre; thường trú: Ấp A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 01/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn T1, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968; bị cáo có 04 anh em ruột, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2001; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 09/10/2019 bị công an phường A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo chưa đóng tiền phạt; bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2021, có mặt.

2. Lê Minh T, sinh ngày 19/9/2002 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Đường C, Khóm 6, Phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 01/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; cha không rõ và mẹ tên Lê Thị T (không rõ năm sinh); bị cáo có 02 chị em ruột, lớn sinh năm 1993, nhỏ là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2021, có mặt.

3. Trần Trung H, sinh năm 1999 tại tỉnh Cà Mau; thường trú: Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 4/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn S, sinh năm 1964 và bà Tạ Thị T, sinh năm 1964; bị cáo có 03 anh em ruột, lớn sinh năm 1995, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án: Bản án số 14/2018/HSST ngày 02/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù về Tội cướp tài sản và 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành

là 03 năm 09 tháng. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 19/10/2020, đóng án phí năm 2020; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/3/2016, bị Công an thị trấn R, huyện N, tỉnh Cầu Mau xử phạt 750.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 21/11/2016, bị Công an thị trấn R, huyện N, tỉnh Cầu Mau xử phạt 750.000đ về hành vi đánh nhau. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2021, có mặt.

4. Cao Văn N, sinh năm 1994 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp P, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; dân tộc: Kinh; con ông Cao Văn H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1967; bị cáo có 02 anh em ruột, lớn nhất là bị cáo, nhỏ sinh năm 1995; bị cáo có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 22/9/2020, bị Công an phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo chưa đóng phạt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2021, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trịnh Quốc T, sinh năm 1985; địa chỉ: 231B B, Phường 4, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1981; thường trú: Ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số 743, tổ 3, khu phố 2, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1974; địa chỉ: 17/2, Tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Phan Hồng Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T, Lê Minh T và Trần Trung H là bạn bè quen biết nhau. Riêng Trung quen biết với Cao Văn N và điều khiển ma túy.

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02/6/2021 Lê Văn T, Lê Minh T và Trần Trung H đi vào khu trọ thuộc Tổ 43, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương để tìm người xăm hình. Lúc đi về, thấy xe mô tô hiệu Wave Anpha màu xanh biển số 61D1-06176 của anh Trịnh Quốc T đang dựng ở cầu thang, không có người trông coi, ổ khóa mở sẵn không có chìa khóa. Lê Văn T, Lê Minh T và Trần Trung H đi đến quán bún riêu gần đó ăn bún riêu. Tại đây, Tr bàn với T và H là “T đi lại khu trọ giả vờ đến phòng của anh Trịnh Quốc T nói chuyện nhằm cảnh giới, H lấy xe đem đến cho Tr để Tr đi bán”. Sau đó, T đi lên phòng trọ nói chuyện với anh T, H lấy xe mô tô biển số 61D1-06176 của anh Trịnh Quốc T điều khiển đến chỗ Tr. Khoảng 20 phút thì T và anh T đi xuống cầu thang, anh T phát hiện mất xe, T giả vờ không biết và về nhà trọ ngủ. Tr gọi điện cho N nói bán xe, N hẹn gặp ở khu Visip Thuận An. Tại đây, Tr nói cho N biết là xe do người em chiếm đoạt ở khu phố C, phường T và nhờ N bán giúp, N đồng ý mua với giá 3.300.000đ. N mang bán cho anh Phạm Ngọc L được 3.700.000đ, nhưng không nói cho anh L biết xe do phạm tội mà có. N giao lại cho Tr 3.300.000đ, giữ lại 400.000đ, Tr cho N thêm 200.000đ, 100.000đ trả tiền nước. Tr lấy 700.000đ mua ma túy sử dụng

cùng tên T (chưa rõ nhân thân), còn lại 2.300.000đ Tr tiêu xài cá nhân. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, anh T đến công an phường T trình báo sự việc. Qua làm việc, anh Phan Hồng Q là người tạm trú cùng dãy trọ phát hiện H là người lấy xe của anh T mang đi khỏi khu vực phòng trọ.

Căn cứ kết luận định giá số 85/KLĐG-HĐĐGTS ngày 10/6/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố D, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Wave Anpha màu xanh biển số 61D1-06176 (số máy 2866342, số khung 066299) trị giá 8.000.000 đồng, không thu hồi được.

Đối với xe mô tô hiệu Wave Anpha màu xanh biển số 61D1-06176 (số máy 2866342, số khung 066299) là do chị Nguyễn Thị Bích P mua và đăng ký sở hữu vào năm 2011. Chị P sử dụng đến năm 2013 thì bán lại cho anh Trịnh Quốc T nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Đối với anh Phạm Ngọc L mua xe mô tô hiệu Wave Anpha màu xanh biển số 61D1-06176 (số máy 2866342, số khung 066299) nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có. Anh L bán xe trên cho người khác không rõ nhân thân. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý anh L đồng thời tiếp tục truy tìm người mua xe từ anh L.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trịnh Quốc T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000 đồng.

Số tiền bán xe có được (N được 600.000 đồng, Tr được 3.000.000 đồng, 100.000 đồng Tr trả tiền nước), Tr và N đã tiêu xài hết, cần buộc N nộp 600.000 đồng, Tr nộp 3.100.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Đối với đối tượng tên T (chưa rõ nhân thân) mua 700.000 đồng ma túy giúp Lê Văn Tr, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố D đang tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau. Số ma túy đã được Lê Văn T và tên T sử dụng hết nên không có cơ sở xử lý hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Việc Lê Văn Tr, Lê Minh T, Trần Trung H và Cao Văn N dương tính với ma túy, các đối tượng khai có sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố D xử phạt hành chính mỗi bị cáo 750.000 đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/ND-CP ngày 11/12/2013 của Chính Phủ.

Tại cáo trạng số 319/CT – VKS ngày 10 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Văn Tr, Trần Trung H, Lê Minh T về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Cao Văn N về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Trung H từ 12 tháng đến 15 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cao Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Lê Văn Tr, Lê Minh T và Trần Trung H có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000đ;

Biện pháp tư pháp: Đề nghị buộc bị cáo Lê Văn T nộp lại 3.100.000đ, bị cáo Cao Văn N nộp lại 600.000đ để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận, đối đáp. Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo Trần Trung H và Cao Văn N xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo Lê Văn T và Lê Minh T không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Ngày 22/10/2021, bị hại anh Trịnh Quốc T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02/6/2021, tại khu trọ thuộc Tổ 43, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Lê Văn Tr, Lê Minh T, Trần Trung H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản 01 xe mô tô hiệu Wave Anpha màu xanh biển số 61D1-06176 (số máy 2866342, số khung 066299) trị giá 8.000.000 đồng của anh Trịnh Quốc T. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cao Văn N biết rõ xe mô tô hiệu Wave Anpha màu xanh biển số 61D1-06176 là tài sản do Lê Văn T chiếm đoạt của người khác mà có nhưng vẫn giúp Tr mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 319/CT – VKS ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện,

có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên không coi là tội phạm có tổ chức. Bị cáo Lê Văn T là người đề xuất, trực tiếp mang xe đi tìm người bán và được hưởng lợi từ việc bán xe; bị cáo Hậu là người trực tiếp lấy xe, bị cáo Tâm là người giúp sức làm nhiệm vụ cảnh giới trong lúc Hậu lấy xe.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn Tr, Lê Minh T và Cao Văn N không có.

Bị cáo Trần Trung H vào ngày 02/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù về Tội cướp tài sản và 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 03 năm 09 tháng, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/10/2020, đóng án phí năm 2020, chưa được xóa án tích lại phạm tội mới là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo Lê Văn Tr, Lê Minh T, Cao Văn N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo là người nghiện ma túy; bị cáo Lê Minh T chưa có tiền án tiền sự; bị cáo Lê Văn Tr, Trần Trung H và Cao Văn N có nhân thân xấu; bị cáo Lê Văn T và Lê Minh T trình độ học vấn thấp 01/12.

[8] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị thiệt hại là xe mô tô biển số 61D1-06176 do chị Nguyễn Thị Bích P đứng tên giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy. Chị P đã bán lại cho anh Trịnh Quốc T vào năm 2013, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Anh Tài sử dụng và bị các bị cáo chiếm đoạt, hiện xe không thu hồi được, theo kết quả định giá tài sản bị thiệt hại trị giá 8.000.000 đồng, tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị hại anh Trịnh Quốc T yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường. Xét thiệt hại của bị hại là do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nên cần tuyên buộc các bị cáo Lê Văn T, Lê Minh T và Trần Trung H có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

[9] Mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Đối với anh Phạm Ngọc L mua xe mô tô hiệu Wave Anpha màu xanh biển số 61D1-06176 (số máy 2866342, số khung 066299) nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có. Anh L bán xe trên cho người khác không rõ nhân thân. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý anh L đồng thời tiếp tục truy tìm người mua xe từ anh L.

Đối với đối tượng tên T (chưa rõ nhân thân) mua 700.000 đồng ma túy giúp Tr, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố D đang tiếp tục xác minh làm rõ

xử lý sau. Số ma túy đã sử dụng hết nên không có cơ sở xử lý hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng quy định.

Việc Lê Văn Tr, Lê Minh T, Trần Trung H và Cao Văn N dương tính với ma túy, các đối tượng khai có sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố D xử phạt hành chính mỗi bị cáo 750.000 đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/ND-CP ngày 11/12/2013 của Chính Phủ là đúng quy định của pháp luật.

[[11] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T, Trần Trung H, Lê Minh T phạm tội Trộm cắp tài sản.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2021.

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2021.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trung H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2021.

2. Tuyên bố bị cáo Cao Văn N phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Văn N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2021.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc các bị cáo Lê Văn T, Lê Minh T và Trần Trung H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Trịnh Quốc T số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Lê Văn T nộp lại 3.100.000 (ba triệu một trăm nghìn) đồng và Cao Văn N nộp lại 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng thu lợi bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Văn T, Trần Trung H, Lê Minh T, Cao Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Lê Văn T, Trần Trung H, Lê Minh T có nghĩa vụ liên đới nộp 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự bồi thường.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo (04);
- VKSND tp Dĩ An (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Công an tp Dĩ An (01);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS tp Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (03);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liễu

